

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hữu Thành.

2. Bà Cái Thị Duyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Bà [Trương Thị Khánh N](#) - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà [Châu Thị Thu H](#), sinh năm 1987; Địa chỉ: [Số G S, tổ H, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#); Chỗ ở hiện nay: [A T, KP T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương](#), có mặt.

- **Bị đơn:** Ông [Vũ Quốc Á](#), sinh năm 1986; Địa chỉ: [A L, tổ A, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 14 tháng 11 năm 2023, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà [Châu Thị Thu H](#) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà [Châu Thị Thu H](#) và ông [Vũ Quốc Á](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại [Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#) và được [Ủy ban phường P](#) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2012. Quá trình chung sống bà [H](#) cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, không thể hàn gắn do cả hai đã sống ly thân quá lâu. Do đó bà [Châu Thị Thu H](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông [Vũ Quốc Á](#).

Về con chung: Bà [Châu Thị Thu H](#) trình bày vợ chồng có 02 người con chung là [Vũ Tường C](#), sinh ngày 11/8/2013 và [Vũ Quỳnh M](#), sinh ngày 22/01/2018. Hiện tại cháu [Vũ Tường C](#) đã trên 10 tuổi và cháu đã có văn bản trình bày về nguyện vọng mong muốn được ở cùng với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn nên bà [Châu Thị Thu H](#) yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Đối với cháu [Vũ Quỳnh M](#), bà [H](#) có mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và chăm sóc cháu đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông [Vũ Quốc Á](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà [H](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 11/01/2024, ông [Vũ Quốc Á](#) trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông [Vũ Quốc Á](#) đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà [Châu Thị Thu H](#) vì hiện tại ông [Á](#) và bà [H](#) có rất nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng do tính tình cả hai không hợp và quan điểm sống đến nay của hai người có nhiều khác biệt, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Sau nhiều lần ngồi lại với nhau nhưng cả hai điều không thể hàn gắn được tình cảm dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân được hơn 04 năm. Để tình trạng nêu trên không kéo dài thì ông [Á](#) đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là [Vũ Tường C](#), sinh ngày 11/8/2013 và [Vũ Quỳnh M](#), sinh ngày 22/01/2018. Ông [Á](#) đồng ý giao cháu [Vũ Quỳnh M](#) cho bà [Châu Thị Thu H](#) được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đối với cháu [Vũ Tường C](#), vì cháu đã có văn bản trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn thì ông [Á](#) đồng ý giao cháu [C](#) cho bà [H](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà [H](#) không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên ông [Á](#) không có ý kiến về vấn đề này.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Ông [Vũ Quốc Á](#) và bà [Châu Thị Thu H](#) sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại [Ủy ban nhân dân phường P](#) cho biết: Bà [H](#) và ông [Â](#) có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2012 tại [Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#). Quá trình chung sống, bà [H](#) và ông [Â](#) có 02 người con chung tên là [Vũ Tường C](#), sinh ngày 11/8/2013 và [Vũ Quỳnh M](#), sinh ngày 22/01/2018. Chính quyền địa phương không nhận được thông tin phản ánh về việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà [H](#) và ông [Â](#). Do đó, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc bà [H](#) yêu cầu ly hôn với ông [Â](#) thì chính quyền địa phương không rõ.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hoà giải để các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn là ông [Vũ Quốc Â](#) vắng mặt và có văn bản đề nghị yêu cầu không tổ chức hoà giải khi ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà [Châu Thị Thu H](#) được ly hôn ông [Vũ Quốc Â](#); giao 02 cháu [Vũ Tường C](#), sinh ngày 11/8/2013 và [Vũ Quỳnh M](#), sinh ngày 22/01/2018 cho bà [H](#) tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, ông [Vũ Quốc Â](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà [Châu Thị Thu H](#) và ông [Vũ Quốc Â](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà [Châu Thị Thu H](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là ông [Vũ Quốc Â](#) đã được Tòa án triệu tập họp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Thu H và ông Vũ Quốc Á có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2012 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Á là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa bà H và ông Á đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Bà H và ông Á đã sống ly thân với nhau được 04 năm. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông Á đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Châu Thị Thu H yêu cầu được ly hôn ông Vũ Quốc Á là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Bà Châu Thị Thu H và ông Vũ Quốc Á có 02 người con chung là Vũ Tường C, sinh ngày 11/8/2013 và Vũ Quỳnh M, sinh ngày 22/01/2018. Hiện 02 cháu C và M đang ở với bà H.

Xét yêu cầu nuôi con của bà H thấy rằng: Bà H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con; ông Á đồng ý giao 02 cháu cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu đến trưởng thành, đủ 18 tuổi; cháu Vũ Tường C có nguyện vọng tiếp tục được ở với bà H. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần của 02 cháu nên cần giao các cháu cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu C và M đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu ông Á cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Châu Thị Thu H và ông Vũ Quốc Á không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Châu Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Thu H. Bà H được ly hôn ông Vũ Quốc Á.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 cháu Vũ Tường C, sinh ngày 11/8/2013 và Vũ Quỳnh M, sinh ngày 22/01/2018 cho bà Châu Thị Thu H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 02 cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Vũ Quốc Á không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Vũ Quốc Á có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Châu Thị Thu H và ông Vũ Quốc Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bà Châu Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0002813 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Châu Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ, lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quỳnh Châu**

